

**NGHỊ QUYẾT**

**Chấp thuận bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU  
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Lai Châu;

Xét Tờ trình số 1294/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 292/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Chấp thuận bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Diện tích đất phải thu hồi trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của các huyện, thành phố để thực hiện 120 công trình, dự án với diện tích 381,20 ha, gồm: Đất nông nghiệp 276,22 ha; đất phi nông nghiệp 44,78 ha; đất chưa sử dụng 60,20 ha; mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng của 75 công trình, dự án sử dụng ngân sách Nhà nước dự kiến là 77.118 triệu đồng (Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo).

2. Diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ phải chuyển mục đích sử dụng sang các loại đất khác để thực hiện 71 công trình, dự án với diện tích 70,37 ha, gồm: Đất trồng lúa 49,16 ha, đất rừng phòng hộ 21,21 ha (*Chi tiết có Biểu số 02 kèm theo*).

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Trường hợp có thay đổi mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng khi triển khai thực hiện các công trình, dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền quyết định cụ thể về mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khoá XIV, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu : VT.

**CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Hoàn**

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2019  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Bản chính kèm theo Nghị quyết số: **NQ-HĐND** ngày **23/7/2019** của Hội đồng nhân dân tỉnh)



STT	Dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
<b>I</b>	<b>Huyện Thanh Uyên</b>		<b>47,77</b>	<b>38,19</b>	<b>9,37</b>	<b>0,21</b>	<b>5.280</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án đầu tư công</b>		<b>46,90</b>	<b>37,59</b>	<b>9,16</b>	<b>0,15</b>	<b>5.280</b>	
1	Kè bảo vệ khu dân cư, đất nông nghiệp suối Nậm Bón xã Hua Nà (bó sung diện tích)	Xã Hua Nà, Mường Cang; thị trấn Thanh Uyên	6,13	5,00	1,13		BT, GPMB xác định tại NQ số 30	
2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (tạo quỹ đất ở để đầu tư đầu tư xây dựng đất ven đường QL32)	Xã Mường Than	1,00	0,90	0,10		1.000	
3	Dự án chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đầu tư, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Thanh Uyên huyện Thanh Uyên	Thị trấn Thanh Uyên	1,81	1,50	0,23	0,08	3.000	
4	Dự án chỉnh trang đô thị Khu 5a-7b (xây dựng Khu dân cư 5a-7b thị trấn Thanh Uyên), (bó sung diện tích)	Thị trấn Thanh Uyên	0,30		0,30		Không BT về đất	
5	Trường PTDTBT tiểu học xã Tà Mung (điều chỉnh diện tích)	Xã Tà Mung Xã Hua Nà	3,57 0,27	3,57 0,20		0,07	600 500	
6	Nâng cấp Đường QL32 đi Tre Bó - Sang Ngà - Bàn Mường, huyện Thanh Uyên (bó sung)	Xã Mường Mít, Phúc Than	5,60	0,30	5,30		BT, GPMB xác định tại NQ số 30	
7	Nâng cấp đường giao thông nông thôn bản Mũi đi Tà Lôm xã Khoen On (mặt đường, hệ thống thoát nước) huyện Thanh Uyên (Bó sung)	Xã Khoen On	15,22	15,22			100	
8	Đường giao thông bản Pá Khoang đi Pá Chi Tầu xã Tà Hư (mặt đường, rãnh thoát nước) huyện Thanh Uyên (Bó sung)	Xã Tà Hư	7,40	7,40			30	
9	Nâng cấp đường giao thông 279 đi Hua Chít (hạng mục mặt đường, rãnh thoát nước) xã Tà Hư, huyện Thanh Uyên (Bó sung)	Xã Tà Hư	5,40	3,30	2,10		50	
10	Nâng cấp đường GTNT Bản Mớ đi Noong Quang, xã Khoen On, huyện Thanh Uyên (Giai đoạn 2) (Bó sung)	Xã Khoen On	0,20	0,20			BT, GPMB xác định tại NQ số 30	
11	<b>Dự án ngoài đầu tư công</b>		<b>0,87</b>	<b>0,60</b>	<b>0,21</b>	<b>0,06</b>		
12	Cải tạo và chống quá tải các TBA Giao thông, Mường Kim 2, Mường Kim 4 - huyện Thanh Uyên	Xã Mường Kim, Mường Cang	0,11	0,07	0,04		Ngoài NSNN	
13	Cải tạo và chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA khu vực thị trấn Thanh Uyên, huyện Thanh Uyên	Thị trấn Thanh Uyên; X: Mường Than, Hua Nà, Mường Cang	0,17	0,06	0,08	0,03	Ngoài NSNN	
14	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA Mường Than 1, Cẩm Trung, huyện Thanh Uyên (bó sung diện tích)	Các xã: Phúc Than, Mường Than	0,04	0,02	0,01	0,01	Ngoài NSNN	
15	Mở rộng và cải tạo lưới điện nông thôn vùng sâu, vùng xa tỉnh Lai Châu giai đoạn 3 - sử dụng vốn đư (điều chỉnh diện tích)	Các xã: Khoen On, Ta Gia, Phúc Than	0,33	0,29	0,03	0,01	Ngoài NSNN	
16	Cấp điện cho các thôn bản chưa có điện tỉnh Lai Châu (điều chỉnh diện tích)	Thị trấn Thanh Uyên; Các xã: Mường Than, Phúc Than	0,06	0,05	0,01		Ngoài NSNN	
17	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA Mường Than 2, Cầu Nậm Phang huyện Thanh Uyên (bó sung diện tích)	Các xã: Phúc Than, Mường Than	0,04	0,02	0,01	0,01	Ngoài NSNN	
18	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA UB xã Nà Cang.	Thị trấn Thanh Uyên, các xã	0,08	0,06	0,02		Ngoài NSNN	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
19	Ban QLDA thủy điện 1 huyện Than Uyên (bổ sung diện tích) Giảm bán kính cấp điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Mường Kim 3, Mường Kim 5, TT xã Tà Mung, huyện Than Uyên (bổ sung diện tích)	Mường Cang, Hua Nà Các xã: Mường Kim, Tà Mung	0,04	0,03	0,01		Ngoài NSNN
<b>II</b>	<b>Huyện Tân Uyên</b>		<b>38,73</b>	<b>27,43</b>	<b>8,22</b>	<b>3,08</b>	<b>8.955</b>
<b>a</b>	<b>Dự án đầu tư công</b>		<b>35,32</b>	<b>24,24</b>	<b>8,02</b>	<b>3,06</b>	<b>8.955</b>
1	Trường tiểu học số 2 TT. Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,13	0,13	0,02	0,01	240
2	Trường tiểu học số 1 TT. Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,15	0,12	0,06	0,01	900
3	Trụ sở tiếp công dân huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,19	0,19	0,06		100
4	Trường THCS Hoàng Liên TT. Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,15	0,09	0,06		600
5	Đường Hua Cầm – Hua Tra Nội	Xã Mường Khoa	25,20	18,51	4,80	1,89	800
6	Sân vận động huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	6,30	2,21	3,14	0,95	4.500
7	Trạm y tế xã Tà Mít	Xã Tà Mít	0,50	0,50			445
8	Trạm y tế xã Nậm Cắn	Xã Nậm Cắn	0,26	0,14		0,12	220
9	Mở rộng trung tâm y tế huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,18	0,09		0,09	300
10	Đường vào cầu Nà An, xã Mường Khoa	Xã Mường Khoa	1,26	1,26			50
11	Đường Nậm Sò - Ui Đạo	Xã Nậm Sò	1,00	1,00			800
12	Đường Ui Đạo – Ui Thái	Xã Nậm Sò					
<b>b</b>	<b>Dự án ngoài đầu tư công</b>		<b>3,41</b>	<b>3,19</b>	<b>0,20</b>	<b>0,02</b>	
13	Xây dựng Trụ sở Bưu điện huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,24	0,24			Ngoài NSNN
		Xã Phúc Khoa	0,42	0,42			
14	Đường dây 110 kV Phong Thổ - Than Uyên mạch 2 và đầu nối sau TBA220 kV Than Uyên - Đoạn đi qua địa phận huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,53	0,50	0,01	0,02	Ngoài NSNN
		Xã Trung Đông	0,59	0,57	0,02		
		Xã Pắc Ta	0,75	0,74	0,01		
15	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho TBA Mường Khoa 2 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Đội 6, CQT Tầng Đán, Thân Thuộc 3, TTHC2, Đội 3, Đội 5, CQT Đội 3, Hua Chàng, Tà Mít, huyện Tân Uyên năm 2019	Thị trấn Tân Uyên	0,08	0,06	0,02		Ngoài NSNN
		Xã Mường Khoa	0,09	0,07	0,02		
		Xã Thân Thuộc	0,10	0,08	0,02		
		Xã Tà Mít	0,13	0,11	0,02		
		Xã Pắc Ta	0,11	0,09	0,02		
16	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Pắc Lý, CQT Thân Thuộc 1, Thanh Sóm, Bàn Cà, Mường Khoa 5 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Hua Ngò, TDC Nà Cóc, Hồ Be, huyện Tân Uyên năm 2019	Thị trấn Tân Uyên	0,10	0,08	0,02		Ngoài NSNN
		Xã Mường Khoa	0,10	0,08	0,02		
		Xã Nậm Sò	0,11	0,09	0,02		
17	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 01-02 Tân Uyên - Hua Số lộ 372E/29.2)	Thị trấn Tân Uyên	0,06	0,06			Ngoài NSNN
<b>III</b>	<b>Huyện Tam Đường</b>		<b>0,65</b>	<b>0,46</b>	<b>0,19</b>		
<b>a</b>	<b>Dự án đầu tư công</b>		<b>0,25</b>	<b>0,06</b>	<b>0,19</b>		
1	Nhà văn hóa bán Hồ Thầu	Xã Hồ Thầu	0,03	0,03			Hiện đất
2	Nhà văn hóa bán Hồ Ta (điều chỉnh vị trí, diện tích)	Thị trấn Tam Đường	0,06		0,06		Không BT về đất
3	Nhà văn hóa bán Cò Lả (điều chỉnh vị trí, diện tích)	Thị trấn Tam Đường	0,07		0,07		Không BT về đất
4	Nhà văn hóa bán Năm Tường (điều chỉnh vị trí, diện tích)	Thị trấn Tam Đường	0,06		0,06		Không BT về đất
5	Nhà văn hóa bán Thác Tinh (điều chỉnh vị trí)	Thị trấn Tam Đường	0,03	0,03			Hiện đất
<b>b</b>	<b>Dự án ngoài đầu tư công</b>		<b>0,40</b>	<b>0,40</b>			
6	Chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: 8A, Bàn Mới,	Xã Sùng Phai, Nùng Nàng	0,40	0,40			Ngoài NSNN



STT	Tên, sống trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)					Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
IV	Pha Lin, Chợ Năm Làng - ĐBC & 1, Sùng Chồ, Sùng Phai, Tả Sin Chai, Bản Lùng Chồ, Bản Chồ, Bản Chồ, Bản Chồ							
a	<b>Dự án đầu tư công</b>		<b>31,41</b>	<b>20,54</b>	<b>1,07</b>	<b>9,80</b>	<b>13,733</b>	
1	Nâng cấp, sửa chữa trường THCS xã Pa-Tần	Xã Pa-Tần	28,19	17,92	0,47	9,80	13,733	
2	Thủy lợi Can Hồ	Xã Pa-Tần	0,20	0,20			250	
3	Thủy lợi Phiêng Trá	Xã Lũng Thàng	0,40	0,40			400	
4	Thủy lợi Năm Hoi	Xã Năm Tâm	0,25	0,25			250	
5	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Lũng Thàng	Xã Năm Cuối	0,15	0,15			150	
6	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi bản Làng Mỏ	Xã Lũng Thàng	0,11	0,11			100	
7	Cấp điện cho nhóm hộ di chuyển khỏi vùng có nguy cơ sạt lở xã Năm Cha	Xã Làng Mỏ	0,15	0,15			200	
8	Cấp điện cho nhóm hộ di chuyển khỏi vùng có nguy cơ sạt lở xã Làng Mỏ	Xã Năm Cha	0,01	0,01			80	
9	Bổ trí dân cư tập trung ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao điểm bản Hua Cuối	Xã Làng Mỏ	0,05	0,05			120	
10	Khắc phục hậu quả lụt bão, đảm bảo giao thông được 2 đoạn km 10+300 đường tỉnh 128 (Chiềng Chăn - Sin Hồ)	Xã Năm Cuối	4,90	2,60		2,30	2.500	
11	Xây dựng Trạm y tế xã Phăng Sô Lin, huyện Sin Hồ	Xã Làng Mỏ	0,37	0,37			150	
12	Xây dựng Trạm y tế xã Phăng Sô Lin, huyện Sin Hồ	Xã Phăng Sô Lin	0,05	0,05			80	
13	Đường Ka Sin Chai - trung tâm xã	Xã Căn Co	0,25	0,25			203	
14	Đường trung tâm xã - bản Hát Hơ	Xã Tả Ngáo	1,45	1,40	0,05		1.150	
15	Đường Suối Sù Tông - Quốc lộ 12	Xã Xả Dê Phìn	6,60	3,00	0,10	3,50	2.200	
16	Đường Tri Xoang - Tâm Choong	Xã Tả Phìn	2,70	1,50		1,20	1.200	
17	Đường vào bản Pa Phang	Xã Tả Phìn	1,46	1,40	0,06		1.000	
18	Đường vào bản Do Nội	Xã Năm Hăn	2,00	2,00			500	
19	Đường từ bản Ma Quai Thàng - bản Sà Chai 1, xã Hồng Thu	Xã Năm Hăn	1,90	0,85	0,05	1,00	650	
20	Đường từ Suối Sù Tông - Năm Hái	Xã Ma Quai, Hồng Thu	2,62	1,77	0,05	0,80	750	
21	Kè chống sạt lở đất khu vực thị trấn Sin Hồ	Xã Tả Phìn	1,41	0,90	0,01	0,50	750	
b	<b>Dự án ngoài đầu tư công</b>	Thị trấn Sin Hồ	1,16	0,51	0,15	0,50	1.050	
22	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT01-02 NR Pu Sam Cấp- Năm Hăn Lộ 372-E29, 1)	Xã Noong Héo	3,22	2,62	0,60			
23	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT127-128 BZ Phong Thó - Si Lờ Lầu lộ 317-E29, 4; VT321- 322 Phong Thó - Sin Hồ lộ 375-E29, 4; VT60-61 Phìn Hồ - Năm Tâm lộ 375-E29, 4)	Xã Tả Ngáo	0,07	0,07				
		Xã Làng Thàng	0,06	0,06				
24	Cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	Xã Hồng Thu	0,32	0,27	0,05			
		Xã Phìn Hồ	0,26	0,21	0,05			
		Xã Tả Phìn	0,21	0,16	0,05			
		Xã Xả Dê Phìn	0,26	0,21	0,05			
		Xã Phăng Sô Lin	0,22	0,17	0,05			
		Xã Tủa Sin Chai	0,25	0,20	0,05			
		Xã Năm Tâm	0,19	0,14	0,05			

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
V	<b>Huyện Phong Thổ</b> <b>Dự án đầu tư công</b> Nâng cấp đường Nậm Xe - Sin Súi Hồ (bổ sung diện tích) Điểm trường tiểu học trung tâm xã Đào Sơn (bổ sung diện tích) Trường Mầm non trung tâm xã Đào Sơn (bổ sung diện tích) Đi dân vùng có nguy cơ sạt lở xã Lán Nhi Thăng (bổ sung diện tích) Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT Tiểu học Hoang Thèn (điều chỉnh vị trí) Cầu Thèn Thầu 2 (bổ sung diện tích) Cầu Pờ Ngái (bổ sung thêm vị trí) Trạm y tế xã Si Lở Lầu	Xã Nậm Chà	0,21	0,16	0,05		
		Xã Pu Sam Cáp	0,22	0,17	0,05		
		Xã Tà Ngáo	0,43	0,38	0,05		
		Xã Pa Tần	0,23	0,18	0,05		
		Xã Làng Mỏ	0,23	0,18	0,05		
			<b>5,53</b>	<b>4,82</b>	<b>0,21</b>	<b>0,50</b>	<b>2.900</b>
			<b>4,70</b>	<b>4,04</b>	<b>0,19</b>	<b>0,47</b>	<b>2.900</b>
			1,65	1,40	0,05	0,20	650
			0,05	0,05			50
			0,02		0,02		200
			1,20	1,20			300
			1,35	1,25	0,10		1.500
VI	<b>Huyện Nậm Nhùn</b> <b>Dự án đầu tư công</b> Nhà văn hóa Trung Chải Sắp xếp ổn định dân cư bản Pá Sập, xã Nậm Pí, huyện Nậm Nhùn Trụ sở làm việc xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn Đầu tư xây dựng phòng học các trường Mầm non, Tiểu học huyện Nậm Nhùn Đường từ suối Nậm Pồ đến trung tâm xã Nậm Chà, khu TĐC Huổi Mần, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn. Đường từ điểm TĐC Huổi Mần đến suối Nậm Pồ, khu TĐC Huổi Mần, xã Nậm Chà, huyện Nậm Nhùn (bổ sung) Đường giao thông điếm sắp xếp ổn định dân cư bản Pá Sập, xã Nậm Pí, huyện Nậm Nhùn <b>Dự án ngoài đầu tư công</b> Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT 127-128 ĐZ Phong Thổ - Si Lở Lầu lộ 371-E29.4) Dự án: 474 Phong Thổ - Mường So	Xã Bàn Lang	0,03	0,03			
		Xã Mường So	0,10	0,10			
		Xã Lán Nhi Thăng	0,70	0,65	0,02	0,03	
			<b>155,51</b>	<b>133,33</b>	<b>1,65</b>	<b>20,53</b>	<b>12.450</b>
			<b>149,90</b>	<b>128,37</b>	<b>1,00</b>	<b>20,53</b>	<b>12.450</b>
			0,12	0,12			350
			4,10			4,10	Không BT về đất
			0,53			0,53	Không BT về đất
			1,65	1,25		0,40	2.000
			132,00	120,00	1,00	11,00	3.000
			7,00	7,00			7.000
			4,50			4,50	100
VII	<b>Huyện Mường Tè</b> <b>Dự án ngoài đầu tư công</b> ĐZ 110 kV từ TBA 220 kV Thủy điện Lai Châu - Mường Lay Nhà điều hành sản xuất Điện lực Nậm Nhùn Đường dây 220 kV Mường Tè - Lai Châu (bổ sung) Xuất tuyến ĐZ 35 kV trạm 110 kV thủy điện Nậm Ban Cấp điện cho thôn bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	Xã Nậm Háng, Pú Dao, Lê Lợi	<b>5,61</b>	<b>4,96</b>	<b>0,65</b>		
		Thị trấn Nậm Nhùn	1,67	1,67			Ngoài NSNN
		Thị trấn Nậm Nhùn; X: Mường Mỏ, Nậm Háng	0,35		0,35		Ngoài NSNN
		Xã Nậm Ban	1,87	1,83	0,04		Ngoài NSNN
		Xã Nậm Ban, Trung Chải, Mường Mỏ, Nậm Manh, Nậm Chà	0,19	0,18	0,01		Ngoài NSNN
			1,53	1,28	0,25		Ngoài NSNN
			<b>81,26</b>	<b>38,70</b>	<b>19,92</b>	<b>22,64</b>	<b>9.510</b>



STT	Dự án đầu tư công	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)					Kinh phí BT, GPM dự kiến (triệu đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng		
a								
1	Đường giao thông liên bản Thôn Sạ, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè.	Xã Pa Vệ Sủ	73,88	32,06	19,59	22,23	9.510	
2	Đường giao thông đến bản Sìn Chải C, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè.	Xã Pa Vệ Sủ	12,72	11,12	0,30	1,30	1.360	
3	Đường giao thông đến bản U Na, xã Tả Tông, huyện Mường Tè.	Xã Tả Tông, Can Hồ	7,94	2,20	0,74	5,00	400	
4	Mặt đường, thoát nước đường giao thông đến điểm định canh định cư Xé Ma, xã Tả Tông, huyện Mường Tè.	Xã Tả Tông	6,07	4,66	1,28	0,13	100	
5	Mặt đường, thoát nước đường giao thông Tả Pa - Lê Giảng, xã Tả Pa, huyện Mường Tè.	Xã Tả Pa	12,00	8,90	1,10	2,00	500	
6	Nâng cấp đường giao thông Ka Lăng - Là Si, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè.	Xã Ka Lăng	3,19	0,19	1,80	1,20	200	
7	Đường giao thông đến bản Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tè.	Xã Can Hồ	2,90		1,90	1,00	Hiện đất	
8	Hà tầng sắp xếp dân cư Suối Voi, xã Can Hồ, huyện Mường Tè.	Xã Can Hồ	10,80	1,30	5,00	4,50	250	
9	Tuyến giao thông đến điểm ĐCĐC Mù Sủ xã Mù Cà, huyện Mường Tè.	Xã Mù Cà	4,00	0,70	1,00	2,30	100	
10	Trạm Y tế Pa Ủ, huyện Mường Tè	Xã Mù Cà	6,20	0,20	3,50	2,50	200	
11	Đường từ trung tâm xã Pa Vệ Sủ đến Đồn BP 307 (điều chỉnh diện tích)	Xã Pa Ủ	0,40	0,40			400	
b								
12	Dự án ngoài đầu tư công Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT11-12 NR Mường Tè - Ka Lăng lộ 371-E29.3)	Xã Pa Vệ Sủ	7,66	2,39	2,97	2,30	6.000	
13	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Bản Giảng, Chang Chảo Pa, UB Pa Vệ Sủ, Phi Chi A, huyện Mường Tè năm 2019	Xã Mường Tè	7,38	6,64	0,33	0,41		
14	Đường dây 220KV Mường Tè - Lai Châu (bổ sung diện tích)	Xã Mường Tè	0,02	0,02			Ngoài NSNN	
15	Trạm biến áp 220 xã Vàng Sơn (điều chỉnh diện tích)	Xã Mường Tè	0,10	0,10				
VIII								
a								
1	Trường THCS Quyết Tiến (bổ sung diện tích)	Xã Bùn Nưa	0,10	0,10			Ngoài NSNN	
2	Xây dựng Văn phòng thường trú Báo Nhân dân tại tỉnh Lai Châu	Xã Bùn Nưa	0,10	0,10			Ngoài NSNN	
3	Nhà công vụ tỉnh Lai Châu	Xã Pa Vệ Sủ	0,10	0,10				
4	Cải tạo đường Thanh Niên (bổ sung diện tích)	Xã Vàng Sơn	0,45	0,44		0,01		
5	Xây dựng đường giao thông và HTKT KDC số 6 (6A): Hạng mục đường R5 (bổ sung diện tích)	Xã Bùn Nưa	0,04	0,04				
6	Cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Tả Xin Chải tới ngã ba Duy Phong	Thị trấn Mường Tè	0,15	0,13		0,01		
7	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường GTNT và hệ thống thoát nước bản Thành Công- xã San Thàng	Xã Bùn Tở	0,28	0,28				
8	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước tổ 23 - phường Đông Phong (đoạn tiếp giáp đường QL4D)	Xã Kan Hồ	1,91	1,72		0,19		
9	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường và hệ thống thoát nước bản Sáo Làn Than tới bản Màng	Xã Vàng Sơn	4,23	3,71		0,21		
			20,34	12,75	4,15	3,44	Ngoài NSNN	
			20,34	12,75	4,15	3,44	Ngoài NSNN	
			1,63	1,50	0,13		24.290	
			0,15	0,08	0,07		2.500	
			0,30	0,30			400	
			1,50	1,50			Không BT về đất	
			0,02	0,02			1.530	
			0,44	0,10	0,34		Không BT về đất	
			0,76	0,10	0,66		2.210	
			0,75	0,20	0,55		500	
			0,40	0,05	0,35		350	
			0,55	0,10	0,45		600	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích thu hồi chia theo nhóm đất (ha)				Kinh phí BT, GPMB dự kiến (triệu đồng)
			Tổng cộng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	Đất chưa sử dụng	
10	Nâng cấp tuyến đường Trần Văn Thọ, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu (đoạn giao với đường Trần Quý Cáp và đường số 2C-9 theo quy hoạch)	Phường Tân Phong	0,50	0,40	0,10	900	
11	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường GTNT từ bản Lò Suối Tùng, xã San Thành đi Sin Cầu	Xã San Thành	1,80	1,00	0,80	700	
12	Phát triển quỹ đất khu 9 - khu dân cư số 2 phường Tân Phong (bổ sung)	Phường Tân Phong	0,50		0,50	Không BT về đất	
13	Đầu tư mặt bằng và HTKT khu TĐC Cảnh sát cơ động - Công an tỉnh thuộc địa phận xã San Thành, thành phố Lai Châu	Xã San Thành	2,50	2,46	0,04	3.600	
14	Đầu tư mặt bằng và HTKT khu dân cư 2B mở rộng (lô 3, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu)	Phường Đông Phong	1,50	1,20	0,30	3.800	
15	Đầu tư mặt bằng và HTKT khu dân cư 2B mở rộng (lô 2, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu)	Phường Đông Phong	3,10	3,10		6.000	
16	Phát triển quỹ đất để cấp TĐC và đấu giá QSD đất khu dân cư 2B, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu	Phường Đông Phong	2,60		2,60	Không BT về đất	
17	Đầu tư mặt bằng và HTKT bên đường Trần Đăng Ninh, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu	Phường Đông Phong	1,34	0,96	0,04	1.200	
<b>120</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>381,20</b>	<b>276,22</b>	<b>44,78</b>	<b>77.118</b>	





**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC DỊCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA,  
ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ NĂM 2019 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: **18** /NQ-HĐND ngày **23/7/2019** của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích chuyên mục dịch sử dụng đất (ha)	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
(1)	(2)	(3)	Tổng (4)	(5)	(6)
<b>I</b>	<b>Huyện Tân Uyên</b>		<b>27,09</b>	<b>8,88</b>	<b>18,21</b>
<b>a</b>	<b>Dự án đầu tư công</b>		<b>8,50</b>	<b>8,50</b>	
1	Kè bảo vệ khu dân cư, đất nông nghiệp suối Năm Bón xã Hua Nà (bổ sung diện tích)	Xã Hua Nà, Mương Cang; Thị trấn Tân Uyên	5,00	5,00	
2	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới (tạo quỹ đất ở để đầu tư xây dựng đất độc ven đường QL.32)	Xã Mương Than	0,80	0,80	
3	Dự án chỉnh trang đô thị tạo quỹ đất đầu tư, tái định cư và phát triển kinh tế - xã hội khu 8 thị trấn Tân Uyên huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,10	0,10	
4	Trường PTDTBT tiểu học xã Tà Mung (điều chỉnh diện tích)	Xã Tà Mung	2,10	2,10	
5	Sân vận động xã Hua Nà	Xã Hua Nà	0,20	0,20	
6	Nâng cấp đường giao thông 279 đi Hua Chit (hang mục mặt đường, rãnh thoát nước) xã Tà Hừa, huyện Tân Uyên (Bổ sung)	Xã Tà Hừa	0,30	0,30	
<b>b</b>	<b>Dự án ngoài đầu tư công</b>		<b>18,59</b>	<b>0,38</b>	<b>18,21</b>
7	Cải tạo và chống quá tải các TBA Giao thông, Mương Kim 2, Mương Kim 4 - huyện Tân Uyên	Các xã: Mương Kim, Mương Cang	0,04	0,04	
8	Cải tạo và chống quá tải và mở rộng phạm vi cấp điện các TBA khu vực thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên, Các xã: Mương Than, Hua Nà, Mương Cang	0,01	0,01	
9	Mở rộng và cải tạo lưới điện nông thôn vùng sâu, vùng xa tỉnh Lai Châu giai đoạn 3 - sử dụng vốn dư (điều chỉnh diện tích)	Các xã: Khoen On, Ta Gia, Phúc Than	0,02	0,02	
10	Cấp điện cho các thôn bản chưa có điện tỉnh Lai Châu (điều chỉnh diện tích)	Thị trấn Tân Uyên; Các xã: Mương Than, Phúc Than	0,03	0,03	
11	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA Mương Than 2, Cầu Năm Phang huyện Tân Uyên (bổ sung diện tích)	Các xã: Phúc Than, Mương Than	0,02	0,02	
12	Cải tạo, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA UB xã Nà Cang, Ban QLDA thủy điện 1 huyện Tân Uyên (bổ sung diện tích)	Thị trấn Tân Uyên, các xã Mương Cang, Hua Nà	0,03	0,03	
13	Giảm bán kính cấp điện, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho các TBA: Mương Kim3, Mương Kim5, TT xã Tà Mung, huyện Tân Uyên (bổ sung diện tích)	Các xã: Mương Kim, Tà Mung	0,01	0,01	
14	Thủy điện Nậm Mớ 2	Xã Khoen On, Tà Mung	18,43	0,22	18,21
<b>II</b>	<b>Huyện Tân Uyên</b>		<b>12,33</b>	<b>9,50</b>	<b>2,83</b>
<b>a</b>	<b>Dự án đầu tư công</b>		<b>5,33</b>	<b>2,50</b>	<b>2,83</b>
1	Đường Hua Cản - Hua Tra Nội	Xã Mương Khoa	4,83	2,00	2,83
2	Sân vận động huyện Tân Uyên	Thị trấn Tân Uyên	0,05	0,05	
3	Trạm y tế xã Tà Mít	Xã Tà Mít	0,40	0,40	
4	Trạm y tế xã Năm Cản	Xã Năm Cản	0,05	0,05	
<b>b</b>	<b>Dự án ngoài đầu tư công</b>		<b>7,00</b>	<b>7,00</b>	

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)	
			Tổng	Đất trồng lúa Đất rừng phòng hộ
5	Đường dây 110 kV Phong Thổ - Than Uyên mạch 2 và đấu nối sau TBA220 kV Than Uyên - Đoạn đi qua địa phận huyện Tân Uyên	Xã Phúc Khoa	0,12	0,12
		Thị trấn Tân Uyên	0,35	0,35
6	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho TBA Mường Khoa 2 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Đội 6, CQT Tầng Đán, Thân Thuộc 3, TTHC2, Đội 3, Đội 5, CQT Đội 3, Hua Chăng, Tả Mít, huyện Tân Uyên năm 2019	Xã Trung Đông	0,15	0,15
		Xã Pắc Ta	0,35	0,35
		Thị trấn Tân Uyên	0,03	0,03
		Xã Mường Khoa	0,04	0,04
		Xã Thân Thuộc	0,03	0,03
		Xã Tả Mít	0,06	0,06
7	Giảm bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Pắc Lý, CQT Thân Thuộc 1, Thanh Sơn, Bản Cạ, Mường Khoa 5 và mở rộng phạm vi cấp điện cho các TBA: Hua Ngò, TDC Nà Cóc, Hồ Bè, huyện Tân Uyên năm 2019	Xã Pắc Ta	0,03	0,03
		Thị trấn Tân Uyên	0,02	0,02
8	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (vị trí 01-02 Tân Uyên - Hua Số lộ 372E29.2)	Xã Mường Khoa	0,02	0,02
		Xã Năm Sò	0,03	0,03
9	Thủy điện Hua Chăng 2	Thị trấn Tân Uyên	0,01	0,01
		Thị trấn Tân Uyên	2,06	2,06
10	Thủy điện Phiêng Lú	Xã Năm Cán, Mường Khoa	3,70	3,70
			0,03	0,03
III	Huyện Tam Đường		0,03	0,03
			0,03	0,03
a	Dự án đầu tư công		0,03	0,03
			0,03	0,03
IV	Nhà văn hóa bản Thác Tình (điều chỉnh vị trí)		4,41	4,41
			3,21	3,21
a	Dự án đầu tư công		0,30	0,30
			0,20	0,20
1	Thủy lợi Can Hồ		0,10	0,10
			0,06	0,06
2	Thủy lợi Phiêng Trá		0,05	0,05
			0,10	0,10
3	Thủy lợi Nậm Hoi		0,10	0,10
			0,06	0,06
4	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Lũng Thàng		0,05	0,05
			0,10	0,10
5	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi bản Làng Mỏ		0,10	0,10
			0,10	0,10
6	Bổ trí dân cư tập trung ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao điểm bản Hua Cuối		0,50	0,50
			1,20	1,20
7	Đường Ka Sin Chai - trung tâm xã		0,05	0,05
			0,05	0,05
8	Đường trung tâm xã - bản Hát Hơ		0,05	0,05
			0,05	0,05
9	Đường Trị Xoang - Tả Choong		0,05	0,05
			0,05	0,05
10	Đường vào bản Đo Nội		0,05	0,05
			0,05	0,05
11	Đường từ bản Ma Quai Thàng - bản Sà Chải I, xã Hồng Thu		0,05	0,05
			0,20	0,20
12	Đường từ Suối Sù Tông - Nậm Hái		0,30	0,30
			0,30	0,30
13	Kè chống sạt lở đất khu vực thị trấn Sin Hồ		1,20	1,20
			0,04	0,04
b	Dự án ngoài đầu tư công		0,03	0,03
			0,03	0,03
14	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT01-02 NR Pu Sam Cáp- Năm Hàn Lộ 372-E29.1)		0,03	0,03
			0,03	0,03
15	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT127-128 DZ. Phong Thổ - Si Lở Lâu lộ 317-E29.4; VT321- 322 Phong Thổ -Sin Hồ lộ 375-E29.4; VT60-61 Phìn Hồ - Năm Tầm lộ 375-E29.4)		0,16	0,16
			0,08	0,08
16	Cấp điện cho các thôn, bản chưa có điện tỉnh Lai Châu		0,06	0,06
			0,06	0,06



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)		
			Tổng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
V	Huyện Phong Thổ				
a	Dự án đầu tư công				
1	Nâng cấp đường Năm Xe - Sín Súi Hồ (bổ sung diện tích)	Xã Sà Dê Phìn	0,08	0,08	
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường PTDTBT Tiểu học Hoang Thèn (điều chỉnh vị trí)	Xã Phàng Sô Lìn	0,05	0,05	
3	Cầu Thèn Thầu 2 (bổ sung diện tích)	Xã Tủa Sín Chải	0,07	0,07	
4	Cầu Pờ Ngải (bổ sung thêm vị trí)	Xã Năm Tâm	0,09	0,09	
5	Trạm y tế xã Sín Lớ Lầu	Xã Năm Cha	0,07	0,07	
b	Dự án ngoài đầu tư công				
6	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT 127-128 DZ Phong Thổ - Sín Lớ Lầu lộ 371-E29.4)	Xã Tả Ngáo	0,08	0,08	
7	Dự án: 474 Phong Thổ - Mường So	Xã Pa Tân	0,18	0,18	
8	Thủy điện Vàng Ma Chải 2	Xã Làng Mỏ	0,09	0,09	
9	Thủy điện Vàng Ma Chải 3		0,09	0,09	
10	Thủy điện Năm Lùn 1	Xã Làng Mỏ	15,18	15,18	
11	Thủy điện Năm Lon	Các xã: Năm Xe, Sín Súi Hồ	0,39	0,39	
12	Thủy điện Van Hồ	Xã Hoang Thèn	0,10	0,10	
13	Thủy điện Năm Xe 2	Xã Bàn Lang	0,20	0,20	
14	Thủy điện Năm Xe	Thị trấn Phong Thổ	0,03	0,03	
15	Đường dây 110kV đầu nối nhà máy thủy điện Năm Pác 2	Xã Sín Lớ Lầu	0,05	0,05	
16	Thủy điện Năm Pác 1 (Hạng mục: Đường thi công, vận hành)	Xã Bàn Lang	0,01	0,01	
VI	Huyện Năm Nhùn		14,79	14,79	
a	Dự án đầu tư công				
1	Nhà văn hóa Trung Chải	Xã Bàn Lang	0,02	0,02	
2	Đường từ suối Năm Pồ đến trung tâm xã Năm Chả, khu TĐC Huổi Mẩn, xã Năm Chả, huyện Năm Nhùn.	Xã Làn Nhi Thăng	0,05	0,05	
b	Dự án ngoài đầu tư công				
3	DZ 110 kV từ TBA 220 kV Thủy điện Lai Châu - Mường Lay	Xã Vàng Ma Chải	1,40	1,40	
4	Xuất tuyến DZ 35 kV trạm 110 kV thủy điện Năm Ban	Xã Pa Vây Sừ	0,75	0,75	
5	Cấp điện cho thôn bản chưa có điện tỉnh Lai Châu	Xã Tung Qua Lìn	0,15	0,15	
VII	Huyện Mường Tè		1,50	1,50	
		Xã Vàng Ma Chải	1,00	1,00	
		Xã Bàn Lang	0,65	0,65	
		Xã Đào San	2,40	2,40	
		Xã Năm Xe	0,97	0,97	
		Xã Mường So	1,80	1,80	
		Xã Năm Xe	0,90	0,90	
		Xã Sín Suối Hồ	2,76	2,76	
		Xã Năm Xe	0,31	0,31	
		Xã Sín Suối Hồ	0,20	0,20	
			4,74	4,64	0,10
		Xã Trung Chải	4,12	4,12	
		Xã Năm Chả	0,12	0,12	
			4,00	4,00	
		Xã Năm Hàng, Pú Dao, Lê Lợi	0,62	0,52	0,10
		Xã Năm Ban	0,25	0,15	0,10
		Xã Năm Ban, Trung Chải, Mường Mỏ, Năm Mảnh, Năm Chả	0,06	0,06	
			0,31	0,31	
			4,59	4,52	0,07

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm thực hiện	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (ha)		
			Tổng	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ
<b>a</b>	<b>Dự án đầu tư công</b>		<b>0,89</b>	<b>0,89</b>	
1	Đường giao thông đến bản Chà Gá, xã Pa Vê Sủ, huyện Mường Tè.	Xã Pa Vê Sủ	0,80	0,80	
2	Đường giao thông đến bản U Na, xã Tà Tông, huyện Mường Tè.	Xã Tà Tông, Can Hồ	0,03	0,03	
3	Mặt đường, thoát nước đường giao thông đến điểm định canh định cư Xé Ma, xã Tà Tông, huyện Mường Tè.	Xã Tà Tông	0,03	0,03	
4	Mặt đường, thoát nước đường giao thông Tả Pa - Lê Giảng, xã Tả pa, huyện Mường Tè.	Xã Tả Pa	0,03	0,03	0,07
<b>b</b>	<b>Dự án ngoài đầu tư công</b>		<b>3,70</b>	<b>3,63</b>	<b>0,07</b>
5	Lắp đặt thử nghiệm MBA tự ngẫu cho lưới điện trung áp năm 2018 (VT11-12 NR Mường Tè - Ka Lăng lộ 371-E29,3)	Xã Mường Tè	0,02	0,02	
6	Giám bán kính cấp điện, chống quá tải cho các TBA: Bản Giảng, Chang Chảo Pa, UB Pa Vê Sủ, Phi Chi A, huyện Mường Tè năm 2019	Xã Mường Tè	0,02	0,02	
		Xã Bunn Nura	0,02	0,02	
		Xã Pa Vê Sủ	0,02	0,02	
		Xã Vàng San	0,05	0,05	
		Xã Bunn Nura	0,02	0,02	
7	Đường dây 220KV Mường Tè - Lai Châu (bổ sung diện tích)	Xã Kan Hồ	0,09	0,02	0,07
		Xã Vàng San	3,46	3,46	
8	Trạm biến áp 220 xã Vàng San (điều chỉnh diện tích)		2,00	2,00	
<b>VIII</b>	<b>Thành phố Lai Châu</b>		<b>2,00</b>	<b>2,00</b>	
<b>a</b>	<b>Dự án đầu tư công</b>		<b>2,00</b>	<b>2,00</b>	
1	Đầu tư mặt bằng và HTKT khu TĐC Cảnh sát cơ động - Công an tỉnh thuộc địa phận xã San Thàng, thành phố Lai Châu	Xã San Thàng	2,00	2,00	
<b>71</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>70,37</b>	<b>49,16</b>	<b>21,21</b>

